

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-ST

Ngày: 13 - 10 - 2023

Về tranh chấp: “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liêm;

Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lý Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp P, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Công B, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2023) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp B, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

+ Ông Phạm Công B, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Phạm Công B trình bày:

Giữa bà H và vợ chồng ông C, bà N có mối quan hệ chòm xóm. Ngày

13/02/2016 (âm lịch) vợ chồng ông C, bà N vay bà Nguyễn Thị H số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Giấy vay tiền do bà N viết, vợ chồng bà N, ông C cùng ký tên. Lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng. Khi vay tiền, bà N và ông C thỏa thuận mượn đỡ 01 tháng trả lại nên ông C, bà N không thể chấp tài sản gì cho bà H. Hết thời hạn 01 tháng, ông C, bà N không trả tiền cho bà H như thỏa thuận. Sau đó, bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà N trả tiền nhưng từ ngày vay đến nay, tiền gốc và lãi ông C, bà N vẫn không trả cho bà H số tiền nào.

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2023, bà H yêu cầu ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/02/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, do thời gian ông C, bà N vay tiền đã lâu nên ngày 13/9/2023, người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản chuyển qua đòi tài sản là số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nữa.

Do số tiền ông C, bà N vay của bà H là tài sản chung của vợ chồng bà H nên nay bà H yêu cầu ông C, bà N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà H, ông B số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu gì khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Công B trình bày:**

Số tiền ông C, bà N vay của bà H là tài sản chung của ông và bà H nên nay ông yêu cầu ông C, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn – ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Bà H, ông B thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng ông C, bà N đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về tranh chấp đòi tài sản đối với ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N. Buộc ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà

Nguyễn Thị H và ông Phạm Công B số tiền 120.000.000 đồng. Về án phí: ông C, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Công B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo Đơn khởi kiện, bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà N trả số tiền vay gốc 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/02/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, ngày 13/9/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể số tiền 120.000.000 đồng ông C, bà N đã vay bà H nay bà H chuyển qua đòi tài sản là số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận đồng thời xác định đây là tranh chấp về quyền sở hữu về đòi tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã PB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 120.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày, ngày 13/02/2016 (âm lịch), vợ chồng ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N vay bà Nguyễn Thị H số tiền 120.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 13/02/2016 do bà N viết với nội dung “*tôi tên Nguyễn Hồng N chồng là Huỳnh Văn C có mượn số tiền 120.000.000 một trăm hai mươi triệu*”. Phần dưới cùng của giấy mượn tiền có chữ ký của ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N. Tại Kết luận giám định số 5056/KL-KTHS ngày 24/8/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*1. Chữ viết nội dung (trừ chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Văn C) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Nguyễn Hồng N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết ra. 2. Không có đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Huỳnh Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Huỳnh Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là có phải hay không phải do cùng một người ký ra*”. Như vậy, kết luận giám định đã xác định chữ viết trên giấy mượn tiền ngày 13/02/2016 là do bà N viết và nội dung giấy mượn tiền bà N cũng xác định bà và ông C cùng vay số tiền 120.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định ông C, bà N

vay bà H số tiền 120.000.000 đồng là có thật. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày, khi vay tiền, ông C, bà N thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay ông C, bà N vẫn chưa trả cho bà H số tiền nào. Ông C, bà N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông C, bà N vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Như vậy, mặc dù không có đủ tài liệu so sánh để giám định chữ ký của ông C trên giấy mượn tiền ngày 13/02/2016 nhưng theo Biên bản xác minh ngày 13/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã PB thể hiện, ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980 cùng nơi cư trú tại xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện TB (nay là xã PB, thị xã TB) ngày 28/3/2006. Số tiền 120.000.000 đồng bà N vay của bà H là giao dịch hợp pháp phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông C nên ông C phải có nghĩa vụ cùng bà N trả nợ cho bà H theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Bà H và ông B đều xác định số tiền 120.000.000 đồng cho ông C, bà N vay là tài sản chung của bà H và ông B nên nay bà H, ông B yêu cầu ông C, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà H, ông B số tiền gốc 120.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông C, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$120.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.000.000 \text{ (Sáu triệu) đồng.}$

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký là 3.400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông C, bà N phải chịu chi phí giám định theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông C, bà N phải trả lại cho bà H số tiền 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Hồng N về việc tranh chấp đòi tài sản.

Buộc ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Công B số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Hồng N phải chịu 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.275.000 (Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027191 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn) đồng chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo: bà H, ông B, ông C, bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Phạm Thị Yến